



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

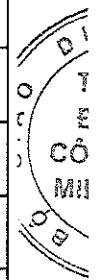
DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2022 – ĐỢT 1

(Kèm theo Quyết định số: 150/QĐ-ĐHCNMD ngày 19 tháng 9 năm 2022
về việc công nhận tốt nghiệp bậc đại học hệ chính quy năm 2022-đợt 1)

STT	Ngành	Lớp Học	MSSV	Họ	Tên	GT	Ngày Sinh	Nơi Sinh	Số TC TL	Điểm TB TL	Xếp loại TN
1	Dược học	17DH1101	0117110004	Lê Đức	Tuấn	Nam	14/11/1999	Bình Thuận	157	2.1	Trung bình
2	Dược học	17DH1101	0117110005	Nguyễn Cao Kỳ	Anh	Nữ	04/12/1999	TP. Hồ Chí Minh	157	3.23	Giỏi
3	Dược học	17DH1101	0117110006	Phạm Văn	Thiện	Nam	10/04/1994	Nam Định	157	2.26	Trung bình
4	Dược học	17DH1101	0117110007	Phan Thị Huỳnh	Phương	Nữ	19/04/1992	Đồng Nai	157	2.7	Khá
5	Dược học	17DH1101	0117110009	Bùi Thị Yến	Nhi	Nữ	28/03/1999	Bà Rịa-Vũng Tàu	157	2.56	Khá
6	Dược học	17DH1101	0117110012	Lê Văn	Hiếu	Nam	25/08/1999	Đồng Nai	157	2.09	Trung bình
7	Dược học	17DH1101	0117110015	Phạm Thị Diệu	Linh	Nữ	22/07/1999	Hưng Yên	157	2.56	Khá
8	Dược học	17DH1101	0117110020	Trần Diễm	Quỳnh	Nữ	05/01/1999	Đồng Nai	157	2.93	Khá
9	Dược học	17DH1101	0117110024	Nguyễn Văn	Hưng	Nam	07/09/1999	Quảng Ngãi	157	2.08	Trung bình
10	Dược học	17DH1101	0117110026	Trần Đình	Tuấn	Nam	26/12/1999	TP. Hồ Chí Minh	157	2.02	Trung bình
11	Dược học	17DH1101	0117110029	Đoàn Dương Phước	Lộc	Nam	28/09/1999	Đồng Nai	157	2.11	Trung bình

STT	Ngành	Lớp Học	MSSV	Họ	Tên	GT	Ngày Sinh	Nơi Sinh	Số TC TL	Điểm TB TL	Xếp loại TN
12	Dược học	17DH1101	0117110033	Nguyễn Thị Hồng	Vân	Nữ	07/09/1999	Đồng Nai	157	2.32	Trung bình
13	Dược học	17DH1101	0117110034	Đỗ Thị Yên	Nhi	Nữ	17/07/1998	Đồng Nai	157	2.94	Khá
14	Dược học	17DH1101	0117110037	Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	22/10/1999	Bắc Giang	157	2.23	Trung bình
15	Dược học	17DH1101	0117110039	Nguyễn Thị Kim	Thu	Nữ	11/12/1987	Đồng Nai	157	3.04	Khá
16	Dược học	17DH1101	0117110042	Hồ Thị Ngọc	Thảo	Nữ	25/04/1999	Quảng Trị	157	2.5	Khá
17	Dược học	17DH1101	0117110044	Dương Việt	Hà	Nữ	20/03/1999	Hà Tĩnh	157	2.32	Trung bình
18	Dược học	17DH1101	0117110045	Lưu Thị Kiều	Oanh	Nữ	18/11/1999	Gia Lai	157	2.54	Khá
19	Dược học	17DH1101	0117110048	Nguyễn Văn	Đạt	Nam	09/06/1999	TP. Hồ Chí Minh	157	2.69	Khá
20	Dược học	17DH1101	0117110052	Trần Thị Hải	An	Nữ	27/09/1999	Lâm Đồng	157	2.27	Trung bình
21	Dược học	17DH1101	0117110053	Nguyễn Văn Thanh	Nhàn	Nam	09/12/1991	Đồng Nai	157	2.59	Khá
22	Dược học	17DH1101	0117110056	Thái Thị Phương	Huyền	Nữ	12/06/1998	Đồng Nai	157	2.93	Khá
23	Dược học	17DH1101	0117110057	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	Nữ	21/05/1999	Thái Bình	157	2.76	Khá
24	Dược học	17DH1101	0117110060	Nguyễn Thị Minh	Hiếu	Nữ	23/11/1999	Đồng Nai	157	2.48	Trung bình
25	Dược học	17DH1101	0117110061	Trương Trần Nguyên	Anh	Nam	16/12/1999	Đồng Nai	157	2.23	Trung bình
26	Dược học	17DH1101	0117110065	Trần Thị Ngọc	Trân	Nữ	14/09/1999	Đồng Nai	157	2.05	Trung bình

STT	Ngành	Lớp Học	MSSV	Họ	Tên	GT	Ngày Sinh	Nơi Sinh	Số TC TL	Điểm TB TL	Xếp loại TN
27	Dược học	17DH1101	0117110068	Nguyễn Hoàng	Hung	Nam	15/04/1999	Quảng Trị	157	2.1	Trung bình
28	Dược học	17DH1101	0117110069	Phuong Trọng	Khánh	Nam	18/10/1999	Đắk Lắk	158	2.06	Trung bình
29	Dược học	17DH1101	0117110070	Trần Kiều	Oanh	Nữ	08/10/1999	Bình Phước	157	2.58	Khá
30	Dược học	17DH1101	0117110071	Lê Thị Minh	Thảo	Nữ	03/01/1999	Gia Lai	157	2.17	Trung bình
31	Dược học	17DH1101	0117110072	Nguyễn Thúy	Vi	Nữ	07/08/1999	Ninh Thuận	157	2.11	Trung bình
32	Dược học	17DH1101	0117110073	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	10/06/1999	Bà Rịa-Vũng Tàu	157	2.2	Trung bình
33	Dược học	17DH1101	0117110076	Nguyễn Hoàng Minh	Trúc	Nam	18/11/1999	Bình Thuận	157	2.2	Trung bình
34	Dược học	17DH1101	0117110077	Lê Thanh	Phong	Nam	08/12/1997	Bình Thuận	157	2.15	Trung bình
35	Dược học	17DH1101	0117110083	Vũ Ngọc	Tân	Nam	08/06/1999	Đồng Nai	157	2.15	Trung bình
36	Dược học	17DH1101	0117110086	Nguyễn Minh Phương	Thảo	Nữ	24/11/1994	TP. Hồ Chí Minh	157	2.58	Khá
37	Dược học	17DH1101	0117110088	Nguyễn Thị Phương	Lê	Nữ	12/08/1991	Đồng Nai	157	2.33	Trung bình
38	Dược học	17DH1101	0117110091	Phạm Thị Ngọc	Trâm	Nữ	20/12/1999	Nghệ An	158	2.28	Trung bình
39	Ngôn ngữ Anh	18AV1101	0218110001	Dương Thị Tuyết	Nhi	Nữ	30/08/2000	Đồng Nai	162	2.61	Khá
40	Ngôn ngữ Anh	18AV1101	0218110004	Phạm Thị Kim	Lành	Nữ	01/06/2000	TP. Hồ Chí Minh	162	2.59	Khá
41	Ngôn ngữ Anh	18AV1101	0218110005	Phạm Thụy	Minh	Nữ	07/11/2000	Đồng Nai	162	2.65	Khá



[Handwritten signatures and marks]

STT	Ngành	Lớp Học	MSSV	Họ	Tên	GT	Ngày Sinh	Nơi Sinh	Số TC TL	Điểm TB TL	Xếp loại TN
42	Ngôn ngữ Anh	18AV1101	0218110006	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	20/01/2000	Bà Rịa-Vũng Tàu	162	3.01	Khá
43	Ngôn ngữ Anh	18AV1101	0218110008	Trần Duy	Tân	Nam	23/11/2000	Đồng Nai	162	3.13	Khá
44	Ngôn ngữ Anh	18AV1101	0218110009	Văn Thị	Thạo	Nữ	13/03/2000	Bình Định	162	3.02	Khá
45	Ngôn ngữ Anh	18AV1101	0218110010	Bùi Thị Kim	Tiên	Nữ	26/03/1999	Bình Thuận	162	3.02	Khá
46	Ngôn ngữ Anh	18AV1101	0218110015	Đỗ Hoàng	Chinh	Nam	24/04/2000	Đồng Nai	162	3.05	Khá
47	Ngôn ngữ Anh	18AV1101	0218110018	Phạm Thanh	Hơn	Nam	27/09/2000	Đồng Nai	162	3.12	Khá
48	Ngôn ngữ Anh	18AV1101	0218110022	Điều Thị	Nơi	Nữ	03/03/1998	Bình Phước	162	2.87	Khá
49	Ngôn ngữ Anh	18AV1101	0218110023	Trần Thị Hiếu	Ngân	Nữ	15/12/2000	Đắk Lắk	162	2.58	Khá
50	Ngôn ngữ Anh	18AV1101	0218110026	Vòng Nhật	Phi	Nam	15/11/2000	Đồng Nai	162	2.61	Khá
51	Ngôn ngữ Anh	18AV1101	0218110028	Hoàng Như Tâm	Thảo	Nữ	16/06/2000	Đồng Nai	162	3.5	Giỏi
52	Ngôn ngữ Anh	18AV1101	0218110029	An Trương Phương	Thảo	Nữ	04/10/2000	Đồng Nai	162	3.48	Giỏi
53	Ngôn ngữ Anh	18AV1101	0218110032	Huỳnh Thị Anh	Thư	Nữ	26/01/2000	Đồng Nai	162	2.66	Khá
54	Ngôn ngữ Anh	18AV1101	0218110034	Nguyễn Trần Huyền	Trâm	Nữ	01/01/2000	Đồng Nai	162	2.73	Khá
55	Ngôn ngữ Anh	18AV1101	0218110040	Vũ Ngọc Thanh	Thanh	Nữ	06/04/1998	Đồng Nai	162	2.94	Khá
56	Dược học	18DH01CLT2	0118130001	Đỗ Hoàng	Anh	Nữ	12/10/1994	TP. Hồ Chí Minh	87	2.61	Khá
57	Dược học	18DH01CLT2	0118110073	Phan Văn	Hoàn	Nam	14/06/1985	Nghệ An	89	2.79	Khá

STT	Ngành	Lớp Học	MSSV	Họ	Tên	GT	Ngày Sinh	Nơi Sinh	Số TC TL	Điểm TB TL	Xếp loại TN
58	Dược học	18DH01CLT2	0118110080	Nguyễn Thanh Kiều	Oanh	Nữ	26/11/1981	Tiền Giang	89	2.98	Khá
59	Dược học	18DH01CLT2	0118110081	Nguyễn Trần Phong	Phú	Nam	15/06/1977	Tây Ninh	89	3.41	Giỏi
60	Dược học	18DH01CLT2	0118110083	Nguyễn Thị Trà	Phượng	Nữ	23/11/1978	Phú Yên	89	2.89	Khá
61	Dược học	18DH01CLT2	0118110089	Mai Phước	Trưởng	Nam	27/04/1979	Bình Dương	89	2.4	Trung bình
62	Dược học	18DH01CLT2	0118130096	Nguyễn Đức	Quang	Nam	28/09/1970	Hà Nội	89	2.26	Trung bình
63	Dược học	18DH01CLT2	0118130099	Nguyễn Tá	Tuấn	Nam	11/06/1983	Thừa Thiên-Huế	89	2.31	Trung bình
64	Dược học	18DH01CLT2	0118130102	Lại Duy	Phát	Nam	28/06/1997	TP. Hồ Chí Minh	89	2.82	Khá
65	Dược học	18DH01CLT2	0118130109	Huỳnh Xuân	Duyên	Nữ	13/12/1997	Tây Ninh	89	2.29	Trung bình
66	Dược học	18DH01CLT2	0118130114	Hà Trúc	Duyên	Nữ	08/02/1986	Ngoài nước	89	2.84	Khá
67	Dược học	18DH01CLT2	0118130126	Hoàng Thanh	Tuyền	Nữ	15/11/1996	Khánh Hòa	89	2.72	Khá
68	Dược học	18DH01CLT2	0118110090	Mai Thị Thanh	Lan	Nữ	01/02/1992	Lâm Đồng	89	2.58	Khá
69	Dược học	18DH01CLT2	0118130141	Trịnh Kỳ	Thanh	Nam	29/08/1971	Tây Ninh	89	2.15	Trung bình
70	Dược học	18DH01CLT2	0118130151	Nguyễn Minh	Anh	Nữ	15/08/1997	Bình Định	87	2.68	Khá
71	Dược học	18DH01CLT2	0119130720	Danh Thị Ngọc	Bách	Nữ	26/04/1983	Sóc Trăng	89	2.7	Khá
72	Dược học	18DH01CLT2	0118130153	Nguyễn Văn	Ngoan	Nam	03/09/1959	Long An	87	2.66	Khá
73	Dược học	18DH01CLT2	0118130150	Trịnh Tú	Phương	Nữ	14/10/1997	TP. Hồ Chí Minh	87	3.32	Giỏi

[Handwritten signatures and marks]

STT	Ngành	Lớp Học	MSSV	Họ	Tên	GT	Ngày Sinh	Nơi Sinh	Số TC TL	Điểm TB TL	Xếp loại TN
								Mình			
74	Dược học	18DH01CLT2	0118130152	Huỳnh Thị Diệu	Thảo	Nữ	02/12/1997	Phú Yên	87	2.89	Khá
75	Dược học	18DH01TLT1	0118130008	Triệu Văn	Bón	Nam	23/08/1991	Vĩnh Phúc	129	2.76	Khá
76	Dược học	18DH01TLT1	0118130009	Hồ Hữu Long	Châu	Nam	20/03/1990	TP.HCM	129	2.75	Khá
77	Dược học	18DH01TLT1	0118130011	Trần Thanh	Cường	Nam	16/07/1990	Bình Thuận	129	2.48	Trung bình
78	Dược học	18DH01TLT1	0118130030	Mai Thị Thu	Hiền	Nữ	25/11/2001	TP. Hồ Chí Minh	129	2.23	Trung bình
79	Dược học	18DH01TLT1	0118130037	Phạm Như	Hoàng	Nam	01/07/1992	Thái Bình	129	2.4	Trung bình
80	Dược học	18DH01TLT1	0118130039	Nguyễn Thị Bích	Huệ	Nữ	01/04/1981	Hà Tĩnh	129	2.4	Trung bình
81	Dược học	18DH01TLT1	0118130040	Nguyễn Thị Thu	Huệ	Nữ	20/09/1993	Thừa Thiên-Huế	129	2.6	Khá
82	Dược học	18DH01TLT1	0118130041	Bùi Thế	Hùng	Nam	22/07/1982	Hà Bắc	129	2.1	Trung bình
83	Dược học	18DH01TLT1	0118130043	Trịnh Văn	Hùng	Nam	11/11/1979	Thanh Hóa	129	2.62	Khá
84	Dược học	18DH01TLT1	0118130045	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	12/12/1976	Bến Tre	129	2.81	Khá
85	Dược học	18DH01TLT1	0118130046	Vũ Thị	Hường	Nữ	19/10/1993	Thanh Hóa	129	2.36	Trung bình
86	Dược học	18DH01TLT1	0118130052	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	Nữ	22/07/1990	Cần Thơ	129	2.26	Trung bình
87	Dược học	18DH01TLT1	0118130062	Nguyễn Thu	Linh	Nữ	15/08/1991	Gia Lai	129	2.97	Khá

STT	Ngành	Lớp Học	MSSV	Họ	Tên	GT	Ngày Sinh	Nơi Sinh	Số TC TL	Điểm TB TL	Xếp loại TN
88	Dược học	18DH01TLT1	0118130070	Lưu Thị	Ngọc	Nữ	12/05/1994	Đắk Lắk	129	2.65	Khá
89	Dược học	18DH01TLT1	0118130071	Ngô Thị Khánh	Ngọc	Nữ	08/03/1998	Hà Tĩnh	129	2.64	Khá
90	Dược học	18DH01TLT1	0118130073	Trần Thị	Ngọc	Nữ	19/11/1987	Đồng Nai	129	3.06	Khá
91	Dược học	18DH01TLT1	0118130078	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	Nữ	27/12/1996	Bình Phước	129	2.78	Khá
92	Dược học	18DH01TLT1	0118130082	Nguyễn Thị Mộng	Yến	Nữ	23/09/1990	Đồng Nai	129	3.27	Giỏi
93	Dược học	18DH01TLT1	0118130085	Hồ Thị Thùy	Vinh	Nữ	12/11/1983	Bình Định	129	3.26	Giỏi
94	Dược học	18DH01TLT1	0118130086	Hà Thị	Tuyết	Nữ	14/11/1974	Nghệ An	129	2.57	Khá
95	Dược học	18DH01TLT1	0118130089	Vương Đình	Trung	Nam	20/08/1973	Nghệ An	129	2.62	Khá
96	Dược học	18DH01TLT1	0118130091	Trần Tuyết	Trinh	Nữ	26/09/1978	Đồng Nai	129	2.67	Khá
97	Dược học	18DH01TLT1	0118130094	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	18/07/1984		129	2.81	Khá
98	Dược học	18DH01TLT1	0118130098	Nguyễn Thị Xuân	Tiên	Nữ	15/12/1986	Đồng Nai	129	2.69	Khá
99	Dược học	18DH01TLT1	0118130100	Hoàng Thị	Thúy	Nữ	17/02/1986	Sông Bé	129	2.63	Khá
100	Dược học	18DH01TLT1	0118130101	Nguyễn Thị Diệu	Thương	Nữ	04/01/1986	Đồng Nai	129	2.76	Khá
101	Dược học	18DH01TLT1	0118130104	Phạm Thị	Thu	Nữ	29/07/1996		129	2.83	Khá
102	Dược học	18DH01TLT1	0118130105	Nguyễn Thị Hoài	Thu	Nữ	02/05/1996	Đồng Nai	129	2.31	Trung bình
103	Dược học	18DH01TLT1	0118130106	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	07/03/1981	Đồng Nai	129	2.55	Khá

STT	Ngành	Lớp Học	MSSV	Họ	Tên	GT	Ngày Sinh	Nơi Sinh	Số TC TL	Điểm TB TL	Xếp loại TN
104	Dược học	18DH01TLT1	0118130107	Mai Thị	Thu	Nữ	20/10/1979	Hà Tĩnh	129	2.17	Trung bình
105	Dược học	18DH01TLT1	0118130108	Nguyễn Thị	Thờ	Nữ	25/01/1988	Lạng Sơn	130	2.87	Khá
106	Dược học	18DH01TLT1	0118130111	Trần Thị Thu	Thảo	Nữ	29/08/1994	Bình Phước	129	2.75	Khá
107	Dược học	18DH01TLT1	0118130115	Huỳnh Thị Thúy	Quyên	Nữ	19/08/1979	Bến Tre	129	2.48	Trung bình
108	Dược học	18DH01TLT1	0118130117	Trần Nhật	Phượng	Nữ	20/02/1983	Đồng Nai	129	2.59	Khá
109	Dược học	18DH01TLT1	0118130118	Phạm Thị	Phương	Nữ	23/10/1988	Hải Dương	129	2.36	Trung bình
110	Dược học	18DH01TLT1	0118130122	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	10/10/1994	Hà Tĩnh	129	2.26	Trung bình
111	Dược học	18DH01TLT1	0118130123	Nguyễn Thị	Diệp	Nữ	21/03/1983	Thái Bình	129	2.99	Khá
112	Dược học	18DH01TLT1	0118130125	Trần Vũ Hoàng	Hải	Nam	29/05/1996	TP. HCM	129	2.45	Trung bình
113	Dược học	18DH01TLT1	0118130129	Nguyễn Thị Xuân	Thu	Nữ	23/09/1994	Đồng Nai	129	2.11	Trung bình
114	Dược học	18DH01TLT1	0118130140	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	03/11/1986	Nghệ An	131	2.58	Khá
115	Dược học	18DH01TLT1	0118130143	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	17/10/1987	Bình Dương	130	2.36	Trung bình
116	Dược học	18DH01TLT1	0118130144	Nguyễn Thị Kim	Thùy	Nữ	09/02/1988	Bình Dương	130	3.05	Khá
117	Dược học	18DH01TLT1	0118130145	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	01/09/1982	Đồng Nai	130	2.89	Khá
118	Dược học	18DH01TLT1	0118130146	Nguyễn Ngọc	Tân	Nam	21/04/1991	Đồng Nai	130	2.83	Khá

STT	Ngành	Lớp Học	MSSV	Họ	Tên	GT	Ngày Sinh	Nơi Sinh	Số TC TL	Điểm TB TL	Xếp loại TN
119	Dược học	18DH01TLT1	0118130155	Huỳnh Thị Kim	Hồng	Nữ	14/12/1976	Thuận Hải	130	2.27	Trung bình
120	Dược học	18DH01TLT1	0118130154	Nguyễn Thị	Lộc	Nữ	08/08/1993	Đồng Nai	130	2.38	Trung bình
121	Dược học	18DH01TLT1	0118130156	Đinh Văn	Hải	Nam	01/01/1972	Thái Bình	130	2.53	Khá
122	Dược học	18DH01TLT1	0118130157	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	05/03/1993	Thanh Hóa	132	2.1	Trung bình
123	Dược học	18DH01TLT1	0118130158	Mai Thị Huỳnh	Trang	Nữ	22/07/1991	Ninh Thuận	130	2.54	Khá
124	Dược học	18DH01TLT2	0118130004	Cao Thanh	Chiến	Nam	05/02/1985	Quảng Bình	128	2.42	Trung bình
125	Dược học	18DH01TLT2	0118130007	Nguyễn Văn	Hạnh	Nam	22/08/1984	Thanh Hóa	128	2.54	Khá
126	Dược học	18DH01TLT2	0118130013	Phạm Thị	Hoà	Nữ	10/20/1987	Thanh Hóa	138	2.89	Khá
127	Dược học	18DH01TLT2	0118130018	Lê Thị Thuý	Kiều	Nữ	21/03/1981	Phú Yên	128	2.65	Khá
128	Dược học	18DH01TLT2	0118130019	Nguyễn Tuyết	Mai	Nữ	11/12/1981	TP.HCM	128	2.7	Khá
129	Dược học	18DH01TLT2	0118130020	Trịnh Đình	Mạnh	Nam	13/07/1999	Bà Rịa-Vũng Tàu	128	2.07	Trung bình
130	Dược học	18DH01TLT2	0118130022	Nguyễn Thị Tiểu	My	Nữ	20/10/1994	Quảng Ngãi	128	2.63	Khá
131	Dược học	18DH01TLT2	0118130024	Nguyễn Hữu	Nam	Nam	16/01/1994	Đồng Tháp	128	2.75	Khá
132	Dược học	18DH01TLT2	0118130025	Đặng Quang	Nhật	Nam	28/11/1990	Đà Nẵng	128	2.31	Trung bình
133	Dược học	18DH01TLT2	0118130026	Thân Trọng Thảo	Nhi	Nữ	09/05/1983	Bình Định	128	2.45	Trung bình

(Handwritten signatures and marks)

STT	Ngành	Lớp Học	MSSV	Họ	Tên	GT	Ngày Sinh	Nơi Sinh	Số TC TL	Điểm TB TL	Xếp loại TN
134	Dược học	18DH01TLT2	0118130029	Lê Thị Hồng	Nhiên	Nữ	28/07/1987	Kiên Giang	128	2.24	Trung bình
135	Dược học	18DH01TLT2	0118130033	Nguyễn Thị Hồng	Phượng	Nữ	14/08/1988	Long An	128	2.63	Khá
136	Dược học	18DH01TLT2	0118110085	Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	03/08/1978	Tiền Giang	128	2.56	Khá
137	Dược học	18DH01TLT2	0118130053	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	Nữ	04/12/1989	Ninh Thuận	128	2.32	Trung bình
138	Dược học	18DH01TLT2	0118130055	Lê Quang	Thy	Nam	07/09/1986	TP.HCM	128	2.64	Khá
139	Dược học	18DH01TLT2	0118130058	Huỳnh Quốc	Tuấn	Nam	26/12/1991	Sóc Trăng	128	2.53	Khá
140	Dược học	18DH01TLT2	0118130059	Đinh Thị Phương	Tuyến	Nữ	14/04/1983	Ninh Bình	138	3.01	Khá
141	Dược học	18DH01TLT2	0118130120	Nguyễn Anh	Công	Nam	29/11/1982	Thái Bình	128	2.8	Khá
142	Dược học	18DH01TLT2	0118130121	Đỗ Thị Thanh	Thảo	Nữ	22/03/1982	TP.HCM	128	2.7	Khá
143	Dược học	18DH01TLT2	0118130128	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	09/08/1994	Lâm Đồng	128	2.48	Trung bình
144	Dược học	18DH01TLT2	0118130133	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	23/06/1982	Cửu Long	128	2.2	Trung bình
145	Dược học	18DH01TLT2	0118130139	Trần Đặng Cát	Uyên	Nữ	26/08/1982	Bến Tre	128	2.53	Khá
146	Dược học	18DH01TLT2	0118130149	Lê Nguyên	Thực	Nam	22/06/1982	Thanh Hóa	128	2.5	Khá
147	Dược học	18DH01TLT2	0118130148	Nguyễn Thị Tố	Vân	Nữ	30/04/1980	Đồng Nai	138	2.71	Khá
148	Kinh doanh Quốc tế	18KD1101	0618110002	Nguyễn Hoàng Minh	Vũ	Nam	27/08/1993	Đồng Nai	142	3.24	Giỏi
149	Kinh doanh Quốc tế	18KD1101	0618110005	Phạm Ngọc	Khôi	Nam	31/10/2000	TP. Hồ Chí Minh	142	3.25	Giỏi

STT	Ngành	Lớp Học	MSSV	Họ	Tên	GT	Ngày Sinh	Nơi Sinh	Số TC TL	Điểm TB TL	Xếp loại TN
150	Kinh doanh Quốc tế	18KD1101	0618110007	Lâm Thiên	Phúc	Nam	25/02/2000	Đồng Nai	142	3.3	Giỏi
151	Kinh doanh Quốc tế	18KD1101	0618110008	Phạm Ngọc	Phước	Nam	26/02/2000	TP. Hồ Chí Minh	142	3.25	Giỏi
152	Kinh doanh Quốc tế	18KD1101	0618110010	Trần Anh	Tú	Nam	03/01/2000	Đồng Nai	142	2.84	Khá
153	Kinh doanh Quốc tế	18KD1101	0618110013	Võ Văn	Pháp	Nam	04/05/2000	Đắk Lắk	142	3.08	Khá
154	Kinh doanh Quốc tế	18KD1101	0618110014	Phan Lê Tuấn	Vũ	Nam	26/04/1996	Đồng Nai	142	2.71	Khá
155	Kinh doanh Quốc tế	18KD1101	0618110017	Nguyễn Văn	Cường	Nam	24/09/2000	Đồng Nai	142	3.08	Khá
156	Kinh doanh Quốc tế	18KD1101	0618110019	Đào Thị	Sang	Nữ	21/12/2000	Bình Định	142	3.44	Giỏi
157	Luật kinh tế	18LK1101	0518110001	Lê Thị Kim	Nhung	Nữ	18/03/2000	Đồng Nai	132	3.11	Khá
158	Luật kinh tế	18LK1101	0518110004	Trần	Tín	Nam	26/08/2000	Đồng Nai	132	3.06	Khá
159	Luật kinh tế	18LK1101	0518110005	Nguyễn Thành	Trung	Nam	04/06/2000	Đồng Nai	132	2.54	Khá
160	Luật kinh tế	18LK1101	0518110008	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	Nữ	06/06/2000	Ninh Thuận	132	3.08	Khá
161	Luật kinh tế	18LK1101	0518110010	Cao Thị	Xuân	Nữ	29/10/2000	Bình Thuận	132	3.4	Giỏi
162	Luật kinh tế	18LK1101	0518110011	Phan Thị Quỳnh	Hương	Nữ	18/01/1999	Đồng Nai	132	2.91	Khá
163	Luật kinh tế	18LK1101	0518110013	Lê Thị Thanh	Nhàn	Nữ	24/10/2000	Bình Định	132	2.92	Khá
164	Luật kinh tế	18LK1101	0518110015	Nguyễn Việt	Kiều	Nam	01/01/1997	Quảng Nam	132	2.76	Khá

STT	Ngành	Lớp Học	MSSV	Họ	Tên	GT	Ngày Sinh	Nơi Sinh	Số TC TL	Điểm TB TL	Xếp loại TN
165	Luật kinh tế	18LK1101	0518110016	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nam	10/02/2000	Thanh Hóa	132	2.67	Khá
166	Dược học	19DH01CLT1	0118130131	Ngô Thị Hồng	Nhanh	Nữ	12/05/1979	Khánh Hòa	87	2.1	Trung bình
167	Dược học	19DH01CLT1	0119130637	Lê Văn	Lễ	Nam	01/10/1996	Thanh Hóa	86	3.02	Khá
168	Dược học	19DH01CLT1	0119130638	Nguyễn Nghĩa Hà	Ân	Nam	07/01/1997	Khánh Hòa	86	3.33	Giỏi
169	Dược học	19DH01CLT1	0119130639	Châu Thị Hồng	Ân	Nữ	03/06/1997	Bình Định	86	2.59	Khá
170	Dược học	19DH01CLT1	0119130640	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	27/12/1980	Đồng Nai	86	3.09	Khá
171	Dược học	19DH01CLT1	0119130641	Nguyễn Thanh	Duy	Nam	30/01/1995	Long An	86	2.71	Khá
172	Dược học	19DH01CLT1	0119130642	Lê Thị Hồng	Duyên	Nữ	12/05/1981	Long An	87	2.18	Trung bình
173	Dược học	19DH01CLT1	0119130643	Nguyễn Ngọc	Đan	Nam	26/03/1975	Nam Định	86	2.9	Khá
174	Dược học	19DH01CLT1	0119130644	Nguyễn Phương	Đạt	Nam	08/01/1990	Nghệ An	86	2.33	Trung bình
175	Dược học	19DH01CLT1	0119130645	Vũ Thị	Hằng	Nữ	20/08/1995	Đồng Nai	86	3.15	Khá
176	Dược học	19DH01CLT1	0119130646	Lê Như	Hậu	Nữ	28/05/1996	Đắk Lắk	102	3.33	Giỏi
177	Dược học	19DH01CLT1	0119130647	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	01/10/1993	Đồng Nai	86	3.17	Khá
178	Dược học	19DH01CLT1	0119130649	Đinh Thị	Huyền	Nữ	10/10/1989	Bà Rịa - Vũng Tàu	86	2.53	Khá
179	Dược học	19DH01CLT1	0119130651	Hoàng Thị	Mai	Nữ	25/09/1983	Nghệ An	86	2.4	Trung bình
180	Dược học	19DH01CLT1	0119130652	Nguyễn Thị Kim	Mai	Nữ	18/06/1996	TP.HCM	86	2.72	Khá

STT	Ngành	Lớp Học	MSSV	Họ	Tên	GT	Ngày Sinh	Nơi Sinh	Số TC TL	Điểm TB TL	Xếp loại TN
181	Dược học	19DH01CLT1	0119130655	Lê Thị	Nhi	Nữ	22/05/1997	Lâm Đồng	86	2.8	Khá
182	Dược học	19DH01CLT1	0119130656	Đoàn Thị	Nhung	Nữ	16/05/1996	Đắk Lắk	86	2.63	Khá
183	Dược học	19DH01CLT1	0119130657	Ngô Thị Huỳnh	Như	Nữ	02/08/1995	Bến Tre	86	2.8	Khá
184	Dược học	19DH01CLT1	0119130658	Trần Thị Tuyết	Sang	Nữ	10/02/1985	Phú Yên	86	3.03	Khá
185	Dược học	19DH01CLT1	0119130659	Thiều Thanh	Tâm	Nữ	05/01/1996	Đà Nẵng	86	3.09	Khá
186	Dược học	19DH01CLT1	0119130660	Đinh Ngọc Quỳnh	Tiên	Nữ	23/02/1992	TP.HCM	87	3.1	Khá
187	Dược học	19DH01CLT1	0119130661	Hồ Thị Thanh	Tuyền	Nữ	27/01/1995	Đồng Nai	86	2.72	Khá
188	Dược học	19DH01CLT1	0119130662	Nguyễn Thị Như	Tuyết	Nữ	21/09/1997	Đồng Nai	86	2.79	Khá
189	Dược học	19DH01CLT1	0119130663	Nguyễn Hoàng	Thanh	Nữ	23/03/1981	Tiền Giang	86	2.65	Khá
190	Dược học	19DH01CLT1	0119130665	Nguyễn Thị Bích	Trăm	Nữ	07/03/1990	Long An	86	3.01	Khá
191	Dược học	19DH01CLT1	0119130666	Phan Anh	Tuấn	Nam	01/11/1985	Bến Cát	86	2.72	Khá
192	Dược học	19DH01CLT1	0119130668	Lê Phi	Quỳnh	Nữ	24/05/1981	TP.HCM	86	2.38	Trung bình
193	Dược học	19DH01CLT1	0119130669	Lê Thị	Quyên	Nữ	03/11/1975	TP.HCM	86	2.85	Khá
194	Dược học	19DH01CLT1	0119130670	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	20/01/1995	Hà Tĩnh	86	2.73	Khá
195	Dược học	19DH01CLT1	0119130671	Trần Thanh	Nguyên	Nam	20/05/1990	Long An	86	2.32	Trung bình
196	Dược học	19DH01CLT1	0119130672	Trần Thị	Lại	Nữ	16/11/1986	Quảng Ngãi	86	2.31	Trung bình

C
 RƯỜI
 ẠI H
 NG N
 ẸN Đ
 ☆

STT	Ngành	Lớp Học	MSSV	Họ	Tên	GT	Ngày Sinh	Nơi Sinh	Số TC TL	Điểm TB TL	Xếp loại TN
197	Dược học	19DH01CLT1	0119130674	Đào Trung	Kiên	Nam	18/07/1989	Thái Bình	86	2.8	Khá
198	Dược học	19DH01CLT1	0119130675	Đàm Thị Tám	Hương	Nữ	20/03/1993	Lâm Đồng	86	2.96	Khá
199	Dược học	19DH01CLT1	0119130677	Trác Xuân	Hùng	Nam	13/09/1969	Bình Thuận	86	2.69	Khá
200	Dược học	19DH01CLT1	0119130679	Lê Thị	Hồng	Nữ	26/12/1985	Hải Hưng	86	2.57	Khá
201	Dược học	19DH01CLT1	0119130682	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	Nữ	18/03/1985	Vũng Tàu	86	2.44	Trung bình
202	Dược học	19DH01CLT1	0119130683	Ngô Thị	Dung	Nữ	24/04/1986	Đồng Tháp	86	2.48	Trung bình
203	Dược học	19DH01CLT1	0119130684	Nguyễn Thị Lệ	Do	Nữ	18/04/1986	Tiền Giang	86	2.55	Khá
204	Dược học	19DH01CLT1	0119130685	Dương Thị	Yến	Nữ	20/02/1996	Hà Tĩnh	86	2.7	Khá
205	Dược học	19DH01CLT1	0119130687	Phan Thị Thu	Thảo	Nữ	15/09/1987	Đồng Nai	86	3.44	Giỏi
206	Dược học	19DH01CLT1	0119130688	Từ Quỳnh	Phượng	Nữ	12/06/1985	Đồng Nai	86	2.67	Khá
207	Dược học	19DH01CLT1	0119130689	Trần Thị	Nhung	Nữ	08/03/1993	Nghệ An	86	2.96	Khá
208	Dược học	19DH01CLT1	0119130690	Hà Xuân	Bách	Nam	01/06/1997	Phú Yên	86	2.12	Trung bình
209	Dược học	19DH01CLT1	0119130691	Hoàng Thị	Loan	Nữ	02/10/1992	Đồng Nai	86	2.62	Khá
210	Dược học	19DH01CLT1	0119130692	Phạm Thị	Ngọc	Nữ	02/01/1986	Thanh Hóa	86	2.8	Khá
211	Dược học	19DH01CLT1	0119130693	Thái Thị	Vị	Nữ	11/04/1995	Đồng Nai	86	3.05	Khá
212	Dược học	19DH01CLT1	0119130695	Phạm Nhật	Vy	Nữ	12/03/1996	Bình Định	86	2.46	Trung bình

STT	Ngành	Lớp Học	MSSV	Họ	Tên	GT	Ngày Sinh	Nơi Sinh	Số TC TL	Điểm TB TL	Xếp loại TN
213	Dược học	19DH01CLT1	0119130696	Phạm Thị Thanh	Trúc	Nữ	03/07/1989	Bình Thuận	86	3.52	Giỏi
214	Dược học	19DH01CLT1	0119130697	Nguyễn Tuấn	Đạt	Nam	14/08/1997	Bình Dương	86	2.36	Trung bình
215	Dược học	19DH01CLT1	0119130698	Võ Văn Bé	Năm	Nam	25/09/1979	Bến Tre	86	2.72	Khá
216	Dược học	19DH01CLT1	0119130699	Đoàn Ngọc Minh	Nguyễn	Nữ	14/07/1984	TP.HCM	86	2.91	Khá
217	Dược học	19DH01CLT1	0119130700	Nông Thị	Như	Nữ	08/03/1993	Đồng Nai	86	2.63	Khá
218	Dược học	19DH01CLT1	0119130701	Võ Thị Thu	Thảo	Nữ	21/08/1996	Bình Định	86	3.01	Khá
219	Dược học	19DH01CLT1	0119130702	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	22/08/1995	Đắk Lắk	86	2.8	Khá
220	Dược học	19DH01CLT1	0119130703	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	31/08/1993	Đồng Nai	86	2.85	Khá
221	Dược học	19DH01CLT1	0119130704	Lê Thị Mỹ	Thuận	Nữ	21/07/1994	Quảng Nam	86	3.14	Khá
222	Dược học	19DH01CLT1	0119130705	Trần Thị Thanh	Thúy	Nữ	15/09/1993	Bình Định	86	2.67	Khá
223	Dược học	19DH01CLT1	0119130706	Lê Hạnh Đài	Trang	Nữ	07/09/1991	Tiền Giang	86	2.84	Khá
224	Dược học	19DH01CLT1	0119130707	Tăng Thị Mỹ	Trinh	Nữ	06/08/1996	Gia Lai	86	2.64	Khá
225	Dược học	19DH01CLT1	0119130708	Trương Thị Thu	Trinh	Nữ	13/01/1997	Bình Phước	86	3.1	Khá
226	Dược học	19DH01CLT1	0119130709	Nguyễn Tường	Vi	Nữ	20/10/1997	Bình Định	86	3.01	Khá
227	Dược học	19DH01CLT1	0119130710	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	13/04/1981	Nghệ Tĩnh	86	3.29	Giỏi
228	Dược học	19DH01CLT1	0119130711	Trần Thiện	Phú	Nam	24/01/1989	Đồng Nai	86	2.2	Trung bình

(Handwritten signatures and stamps)

STT	Ngành	Lớp Học	MSSV	Họ	Tên	GT	Ngày Sinh	Nơi Sinh	Số TC TL	Điểm TB TL	Xếp loại TN
229	Dược học	19DH01CLT1	0119130712	Nguyễn Trung	Thành	Nam	30/06/1983	Cà Mau	86	2.15	Trung bình
230	Dược học	19DH01CLT1	0119130713	Nguyễn Văn	Nhánh	Nam	14/10/1961	TP.HCM	86	2.16	Trung bình
231	Dược học	19DH01CLT1	0119130714	Lê Nhật	Trường	Nam	24/12/1996	Khánh Hòa	86	2.27	Trung bình
232	Dược học	19DH01CLT1	0119130715	Nguyễn Văn	Nhùng	Nam	10/12/1993	Đồng Tháp	86	2.34	Trung bình
233	Dược học	19DH01CLT1	0119130716	Nguyễn Lê Thanh	Hương	Nữ	12/10/1982	TP.HCM	86	2.37	Trung bình
234	Dược học	19DH01CLT1	0118130142	Lê Tường	Vi	Nữ	12/08/1995	Đồng Nai	86	2.58	Khá
235	Dược học	19DH01CLT1	0119130717	Nguyễn Ngọc	Thiên	Nam	15/08/1991	Bình Thuận	86	2.49	Trung bình
236	Dược học	19DH01CLT1	0119130721	Nguyễn Thu	Thảo	Nữ	16/11/1995	Đồng Nai	86	2.6	Khá
237	Dược học	19DH01CLT1	0119130718	Bùi Thị Thân	Thương	Nữ	14/04/1991	Bình Thuận	103	2.9	Khá
238	Dược học	19DH01CLT1	0119130719	Nguyễn Anh	Tú	Nam	27/01/1996	Quảng Trị	86	2.94	Khá
239	Dược học	19DH01CLT1	0119130019	Huỳnh Thị Thúy	Vy	Nữ	07/03/1997	Bình Định	86	2.74	Khá
240	Dược học	19DH01VB2	0118110070	Lê Thị Hồng	Diệp	Nữ	10/11/1990	Quảng Ngãi	129	3.5	Giỏi
241	Dược học	19DH01VB2	0118110071	Huỳnh Phan Quốc	Dũng	Nam	25/03/1979	Tiền Giang	129	2.96	Khá
242	Dược học	19DH01VB2	0118110074	Trần Văn	Hội	Nam	09/09/1984	Quảng Bình	129	2.46	Trung bình
243	Dược học	19DH01VB2	0118110076	Phạm Thị Thanh	Huyền	Nữ	17/02/1989	Gia Lai	129	3.07	Khá

STT	Ngành	Lớp Học	MSSV	Họ	Tên	GT	Ngày Sinh	Nơi Sinh	Số TC TL	Điểm TB TL	Xếp loại TN
244	Dược học	19DH01VB2	0118110078	Nguyễn Khánh	Loan	Nữ	20/06/1954	Hà Nội	129	2.56	Khá
245	Dược học	19DH01VB2	0118110082	Phan Văn	Phú	Nam	04/08/1981	Bình Thuận	129	2.92	Khá
246	Dược học	19DH01VB2	0118110086	Bùi Trịnh Tiến	Thanh	Nam	01/01/1980	Kiên Giang	130	2.65	Khá
247	Dược học	19DH01VB2	0118110087	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	Nữ	01/03/1980	Bình Định	129	2.91	Khá
248	Dược học	19DH01VB2	0119000092	Vũ Thành	Công	Nam	13/11/1987	Đồng Nai	126	3.14	Khá
249	Dược học	19DH01VB2	0119000088	Nguyễn Tiên	Dũng	Nam	24/04/1988	Lâm Đồng	126	2.75	Khá
250	Dược học	19DH01VB2	0119000002	Trần Thị	Hằng	Nữ	15/10/1990	Bà Rịa-Vũng Tàu	126	3.54	Giỏi
251	Dược học	19DH01VB2	0119000007	Tô Duy	Hanh	Nam	30/04/1985	TP. Hồ Chí Minh	127	3.12	Khá
252	Dược học	19DH01VB2	0119000090	Nguyễn Vĩnh	Lộc	Nam	02/12/1974	Đồng Nai	126	2.21	Trung bình
253	Dược học	19DH01VB2	0119000003	Mai Văn	Mỹ	Nam	01/10/1993	Đồng Nai	126	2.92	Khá
254	Dược học	19DH01VB2	0119000004	Đỗ	Quyên	Nữ	14/10/1978	Đồng Nai	126	2.79	Khá
255	Dược học	19DH01VB2	0119000005	Hà Chí	Thiện	Nam	01/03/1978	Đồng Nai	126	2.55	Khá
256	Dược học	19DH01VB2	0119000008	Châu Ngọc	Thuận	Nam	11/05/1994	Quảng Nam	126	3.02	Khá
257	Dược học	19DH01VB2	0119000089	Trần Thanh	Toàn	Nam	28/06/1980	Tiền Giang	126	2.89	Khá
258	Dược học	19DH01VB2	0119000006	Nguyễn Phan Bảo	Trâm	Nữ	03/05/1984	Đồng Nai	126	2.77	Khá
259	Dược học	19DH01VB2	0119000093	Nguyễn Thị Thanh	Thư	Nữ	03/08/1997	Lâm Đồng	126	3.41	Giỏi

(Handwritten signatures and stamps)

STT	Ngành	Lớp Học	MSSV	Họ	Tên	GT	Ngày Sinh	Nơi Sinh	Số TC TL	Điểm TB TL	Xếp loại TN
260	Dược học	19DH01VB2	0119000094	Đinh Thái	Bình	Nam	05/06/1985	Đồng Nai	126	3.11	Khá
261	Dược học	19DH01VB2	0119000095	Huỳnh Thái	Qui	Nam	06/08/1988	Tây Ninh	126	3.19	Khá
262	Dược học	19DH01VB2	0119000096	Hồ Thị	Thảo	Nữ	13/08/1980	Lâm Đồng	127	3.24	Giỏi
263	Dược học	19DH01VB2	0119000098	Phạm Thị Phương	Mai	Nữ	28/04/1970	Thừa Thiên-Huế	126	2.96	Khá
264	Dược học	19DH01VB2	0119000099	Nguyễn Tiên	Dũng	Nam	31/12/1983	Bến Tre	126	3.21	Giỏi
265	Dược học	19DH01VB2	0119000100	Nguyễn Trần Kim	Linh	Nữ	31/12/1982	TP. Hồ Chí Minh	126	2.95	Khá
266	Dược học	19DH01VB2	0119000101	Trương Việt	Dũng	Nam	31/10/1983	Đắk Lắk	126	2.73	Khá
267	Dược học	19DH01VB2	0119000102	Tổng Văn	Khải	Nam	16/11/1973	Thanh Hóa	126	2.67	Khá
268	Dược học	19DH01VB2	0119000103	Trần Vĩnh	Huy	Nam	24/05/1968	Đồng Nai	126	2.88	Khá
269	Dược học	19DH01VB2	0119000104	Vũ Văn	Bao	Nam	16/03/1980	Hà Nam	126	3.02	Khá
270	Dược học	19DH01VB2	0119000105	Nguyễn Văn	Chánh	Nam	08/01/1977	Đồng Nai	126	3.07	Khá
271	Dược học	19DH01VB2	0119000106	Đặng Oai	Hùng	Nam	11/01/1968	TP. Hồ Chí Minh	126	2.55	Khá
272	Dược học	19DH01VB2	0119000108	Nguyễn Phước	Trung	Nam	20/08/1986	Đồng Nai	126	3.08	Khá
273	Dược học	18DH01CLT1	0118130081	Nguyễn Thị	Phước	Nữ	25/04/1997	Gia Lai	86	2.19	Trung bình
274	Dược học	01161311	0116131230	Đào Thị Mỹ	Tiên	Nữ	16/08/1994	Bình Phước	129	3.02	Khá
275	Dược học	01171310	0117130692	Tiêu Thị Bích	Ngọc	Nữ	22/07/1986	Biên Hòa - Đồng Nai	129	2.32	Trung bình

STT	Ngành	Lớp Học	MSSV	Họ	Tên	GT	Ngày Sinh	Nơi Sinh	Số TC TL	Điểm TB TL	Xếp loại TN
276	Dược học	01171309	0117130974	Võ Thị Hải	Yên	Nữ	06/06/1985	Bà Rịa - Vũng Tàu	129	2.28	Trung bình
277	Dược học	01171305	0117130453	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	15/12/1987	TP.HCM	130	2.35	Trung bình
278	Dược học	01171303	0117130454	Nguyễn Nhã Ngọc	Quyên	Nữ	07/06/1996	Đồng Nai	129	2.13	Trung bình
279	Dược học	01161308	0116131334	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	Nữ	26/12/1995	Đồng Nai	87	2.03	Trung bình
280	Dược học	01171309	0117130815	Huỳnh Thị	Diễm	Nữ	23/08/1992	Đức Linh - Bình Thuận	131	3.05	Khá
281	Dược học	01171303	0117130297	Lê Trương Hồng	Vân	Nữ	21/04/1995	Bến Tre	130	2.53	Khá
282	Dược học	01171307	0117130797	Nguyễn Hữu	Huỳnh	Nam	30/06/1977	Bà Rịa - Vũng Tàu	129	2	Trung bình
283	Dược học	01171303	0117130390	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	Nữ	12/07/1989	CHDC Đức	130	2.69	Khá
284	Dược học	01171307	0117130700	Nguyễn Vũ Thu	Thảo	Nữ	10/08/1993	Bà Rịa - Vũng Tàu	129	2.2	Trung bình
285	Dược học	01171303	0117130347	Trần Văn	Trương	Nam	03/10/1988	Thái Nguyên	130	2.8	Khá
286	Dược học	01171309	0117130760	Bùi Thị	Hồng	Nữ	24/12/1972	Yên Bái	129	2.35	Trung bình
287	Dược học	01171306	0117130163	Võ Danh	Kiệt	Nam	13/12/1991	Ninh Thuận	86	2.24	Trung bình
288	Dược học	01171303	0117130565	Lê Thị	Liên	Nữ	19/08/1988	Thanh Hóa	130	2.1	Trung bình
289	Dược học	01171310	0117130675	Nguyễn Thị Thanh	Vân	Nữ	13/12/1962	Biên Hòa - Đồng Nai	129	2.36	Trung bình
290	Dược học	01171310	0117130740	Phạm Thị	Thủy	Nữ	07/12/1987	Thanh Hóa	139	2.45	Trung bình

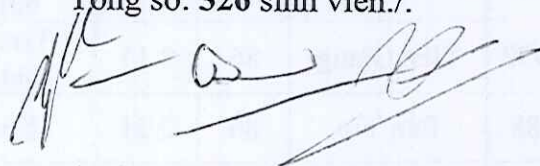
(Handwritten signatures and stamps)

STT	Ngành	Lớp Học	MSSV	Họ	Tên	GT	Ngày Sinh	Nơi Sinh	Số TC TL	Điểm TB TL	Xếp loại TN
291	Dược học	01171309	0117130868	Bùi Bích	Hằng	Nữ	20/06/1995	Thái Bình	129	2.42	Trung bình
292	Dược học	01171307	0117130701	Hoa Vân	Lợi	Nam	26/11/1996	Khánh Hòa	129	2.09	Trung bình
293	Dược học	01171309	0117130691	Nguyễn Đăng	Thi	Nam	15/08/1992	Tây Ninh	129	2.05	Trung bình
294	Dược học	01171310	0117130935	Nguyễn Hoàng	Trung	Nam	25/10/1982	TP. Huế	129	2.43	Trung bình
295	Dược học	01171309	0117130944	Nguyễn Thị Kim	Hanh	Nữ	01/02/1990	Tây Ninh	129	2.61	Khá
296	Dược học	01171310	0117130745	Phí Thị Thanh	Nhung	Nữ	28/04/1992	Đồng Nai	129	2.27	Trung bình
297	Dược học	01171309	0117130827	Trần Thị Thanh	Nhã	Nữ	21/03/1992	Tây Ninh	129	2.23	Trung bình
298	Dược học	01171303	0117130615	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	30/03/1985	Gia Lai	130	2.19	Trung bình
299	Dược học	0115134	0115130412	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	16/03/1984	Nghệ An	134	2.04	Trung bình
300	Dược học	01171310	0117130647	Nguyễn Hồng	Son	Nam	06/06/1989	Hà Tĩnh	129	2.16	Trung bình
301	Dược học	01171306	0117130033	Trần Thị Thu	Vân	Nữ	20/06/1993	Đồng Nai	86	2.72	Khá
302	Dược học	16DH1101	0116110087	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	Nữ	25/11/1998	Đồng Nai	156	2.03	Trung bình
303	Dược học	16DH1101	0116110043	Phạm Võ Thiên	Thảo	Nữ	14/12/1998	Đồng Nai	156	2.03	Trung bình
304	Dược học	0115131	0115130060	Vũ Thanh	Hằng	Nữ	08/02/1988	TP. HCM	129	2.69	Khá
305	Dược học	16DH1101	0116110175	Nguyễn Thị Diễm	Kiều	Nữ	9/30/1996	Bình Dương	156	2.01	Trung bình

STT	Ngành	Lớp Học	MSSV	Họ	Tên	GT	Ngày Sinh	Nơi Sinh	Số TC TL	Điểm TB TL	Xếp loại TN
306	Dược học	18DH01CLT1	0118130079	Trần Thị Cẩm	Như	Nữ	04/11/1995	Sông Bé	86	2.23	Trung bình
307	Dược học	18DH01CLT1	0117130152	Bùi Minh Hoàng	Hiếu	Nam	12/1/1993	TP.HCM	90	3.26	Giỏi
308	Dược học	18DH01CLT1	0118130095	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	22/05/1994	Hà Tĩnh	86	2.87	Khá
309	Dược học	15DH1102	0115110248	Nguyễn Hoàng	Quyên	Nam	2/18/1997	TP.HCM	155	2	Trung bình
310	Dược học	18DH01CLT1	0118130048	Vũ Thị Ngọc	Huyền	Nữ	4/4/1995	Đồng Nai	86	2.26	Trung bình
311	Dược học	01171301	0117130592	Trần Minh	Tâm	Nam	12/24/1991	Bến Tre	129	2.16	Trung bình
312	Dược học	01171308	0117130134	Dương Thành	Nam	Nam	8/17/1990	Bình Phước	86	2.19	Trung bình
313	Dược học	01171308	0117130137	Nguyễn Ngọc	Lợi	Nam	22/11/1992	Tiền Giang	86	2.13	Trung bình
314	Dược học	01171308	0117130147	Lê Thị Cẩm	Tú	Nữ	4/20/1988	Bến Tre	86	2.51	Khá
315	Dược học	DH01161309	0116130906	Trịnh Thanh	Dung	Nữ	3/12/1994	Bình Phước	129	2.14	Trung bình
316	Dược học	01171310	0117130820	Vũ Thị Thái	Hòa	Nữ	2/21/1986	Đồng Nai	129	2.35	Trung bình
317	Dược học	01171309	0117130843	Vũ Thị	Dịu	Nữ	12/04/1987	Hải Dương	129	2.08	Trung bình
318	Dược học	0115131	0115130102	Nguyễn Thị Minh	Khai	Nữ	11/20/1988	Sông Bé	131	2.44	Trung bình
319	Dược học	01161311	0116131166	Lâm Xuân	Sang	Nữ	1/4/1992	Cà Mau	129	2.29	Trung bình
320	Dược học	16DH1101	0116110204	Huỳnh Thị Thùy	Trang	Nữ	10/31/1998	Bình Thuận	157	2.01	Trung bình

STT	Ngành	Lớp Học	MSSV	Họ	Tên	GT	Ngày Sinh	Nơi Sinh	Số TC TL	Điểm TB TL	Xếp loại TN
321	Dược học	01171301	0117130581	Nguyễn Thị Hồng	Nhận	Nữ	12/17/1994	Lâm Đồng	129	2.19	Trung bình
322	Dược học	01171309	0117130967	Thân Thị Lan	Phuong	Nữ	1/19/1994	Sông Bé	129	2.07	Trung bình
323	Kinh doanh Quốc tế	16KD1101	0616110035	Võ Tấn	Tiến	Nam	8/11/1998	Bình Thuận	138	2.72	Khá
324	Dược học	01161310	0116131470	Võ Thị Diễm	Thúy	Nữ	13/4/1985	Đồng Tháp	128	2.14	Trung bình
325	Dược học	15DH1101	0115110257	Nguyễn Đình	Thắng	Nam	2/28/1997	Đồng Nai	154	2.01	Trung bình
326	Dược học	17DH1101	0117110043	Phạm Thị Mỹ	Hà	Nữ	05/01/1999	Đồng Nai	157	2.05	Trung bình

Tổng số: 326 sinh viên./.



HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. PHẠM VĂN SONG